Tổng quan

Thứ tư, ngày 12 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/7/2023		●	
Tuần 03/07-07/07/2023		●	
Tháng 07/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng nhẹ sau một ngày trồi sụt và đóng cửa tại mốc 1,154.20 điểm, tăng 0.21% so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông và Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, chỉ số có thể sẽ có những phiên giằng co trong vùng 1150-1155 sau đà hồi phục ngắn hạn trước đó.

Hợp đồng tương lai: VN30F2312, VN30F2309 giảm theo xu hướng vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Xét về KLGD, VN30F2309 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2312 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/7/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index +2.43 điểm, đóng cửa 1154.2 điểm. HNX-Index -0.34 điểm, đóng cửa 228.88 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: HPG (+6.17), VCB (+4.73), BID (+4.41), VNM (+4.16), GVR (+3.73).
• Kéo chỉ số giảm: SAB (-1.06), VIC (-0.78), TCB (-0.62), HVN (-0.37), VND (-0.36).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14,379 tỷ đồng, giảm -14.59% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,669 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 8.15 điểm. Thị trường có 191 mã tăng, 64 mã tham chiếu, 233 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -440.56 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm STB (-163.52 tỷ), DGC (-94.21 tỷ), VRE (-70.01 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -12.15 tỷ đồng.

Hiệu suất BSC 30, BSC 50 so với thị trường

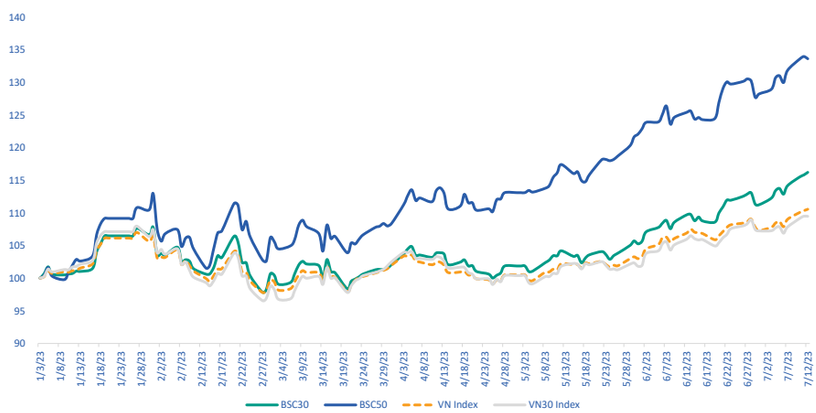

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX	**1154.20**
Giá trị: 14378.9 tỷ	2.43 (0.21%)
Khối ngoại (ròng): -440.56 tỷ	

HNX-INDEX	**228.88**
Giá trị: 1518.58 tỷ	-0.34 (-0.15%)
Khối ngoại (ròng): -12.15 tỷ	

UPCOM-INDEX	**85.91**
Giá trị: 831.88 tỷ	0.09 (0.1%)
Khối ngoại (ròng): -7.58 tỷ	

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	74.8	2.48%
Giá vàng	1,932	0.35%
Tỷ giá USD/VND	23,580	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,561	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	163	0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.87%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	81.76	STB	-163.52
KBC	50.50	DGC	-94.21
GEX	39.56	VRE	-70.01
DGW	34.97	VNM	-55.55
VHM	32.41	VPB	-50.54

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 12/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	74.80	2.48%	5.13%	11.16%	-19.83%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	79.36	2.15%	4.08%	10.50%	-17.43%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.61	1.70%	4.00%	9.01%	-16.20%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.73	2.43%	-0.46%	17.03%	-54.59%		
TTF Gas	EUR/MWh	29.06	-3.86%	-17.93%	-6.36%	-83.16%		
Vàng	Ounce	1,931.79	0.35%	0.35%	-1.28%	11.94%		PNJ
Bạc	Ounce	23.12	0.03%	0.75%	-3.85%	22.39%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,520.50	0.83%	-1.73%	10.76%	11.60%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	13.98	0.43%	-0.21%	-7.48%	-38.31%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	131.80	0.53%	0.69%	0.00%	-17.98%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	23.53	0.38%	0.00%	-7.62%	25.90%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Cà phê	LB	159.30	-2.66%	-1.82%	-14.15%	-23.87%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	367.50	18.02%	0.00%	23.74%	-48.42%		DPM, DCM
Niken	LB	20,816.00	1.02%	2.01%	0.75%	-4.47%		PC1
Đồng	LB	3.75	-0.57%	2.51%	-0.06%	13.93%	CAV. SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3,664.00	0.08%	-2.19%	-0.73%	-7.01%		HPG
Nhôm	Ton	2,169.00	1.02%	0.07%	-2.65%	-8.29%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Hợp đồng dầu Brent kết thúc phiên tăng 1.71 USD, tương đương 2.2%, lên mức 79.40 USD/thùng, cao nhất kể từ ngày 28 tháng 4. Dầu thô Tây Texas của Mỹ (WTI) tăng 1.84 USD, tương đương 2.5%, lên mức 74.83 USD, cao nhất kể từ ngày 1 tháng 5.

• Giá dầu tăng vọt vào thứ Ba, tăng khoảng 2%, được thúc đẩy bởi USD giảm, hy vọng về nhu cầu mạnh lên ở các nước đang phát triển và việc cắt giảm nguồn cung của các nhà xuất khẩu dầu lớn nhất thế giới.

Giá vàng

• Vàng giao ngay kết thúc phiên tăng 0.4% lên 1,931.83 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.3% lên 1,937.10 USD.

• Giá vàng tăng vào thứ Ba khi đồng USD và lợi suất trái phiếu giảm trước khi dữ liệu lạm phát của Mỹ được công bố - có thể cung cấp thêm tín hiệu về lộ trình tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang.

Giá quặng sắt

• Quặng sắt giao tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 0.1% lên 807.0 nhân dân tệ (112.12 USD)/tấn.

• Giá quặng sắt kỳ hạn trên sàn Singapore tăng vào thứ Ba sau khi ngân hàng trung ương Trung Quốc mở rộng gói giải cứu cho lĩnh vực bất động sản của nước này, nhưng giá trên sàn Đại Liên ít có phản ứng hơn do lo ngại về biến động ngắn hạn và điều kiện thời tiết ấm áp.

Giá hàng hóa khác

• Hợp đồng cao su giao tháng 12 của Sở giao dịch Osaka đóng cửa giảm 0.9 yên, tương đương 0.4%, xuống 204.2 yên (1.45 USD)/kg. Hợp đồng cao su giao tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 85 CNY xuống còn 12,340 CNY (1,714.77 USD)/tấn.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	104.0	1.0%	1.1	20,820	3.3	7,311	14.2	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	46.7	0.3%	0.9	9,993	4.6	4,208	11.1	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-1.3%	1.1	5,580	11.4	-			17.0%	Link
TCB	Ngân hàng	31.6	-0.9%	1.6	4,709	5.8	-			22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	21.0	-0.9%	1.5	4,028	11.6	4,640	4.5	26,000	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.8	-0.7%	1.3	2,376	40.5	4,603	6.5	24,600	25.8%	Link
GVR	BĐS KCN	21.6	0.5%	1.9	3,655	2.8	4,880	4.4	31,200	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	31.0	0.5%	1.7	1,005	9.5				19.6%	Link
IDC	BĐS KCN	43.8	-1.1%	1.7	611	4.8	1,217		19,100	10.8%	Link
VGC	BĐS KCN	45.6	-0.4%	1.8	865	1.8	1,916	23.8	25,000	4.7%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.0	-1.1%	2.1	6,641	31.7	1,896	14.2	18,500	25.3%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.1	2.2%	1.0	10,149	5.1	5,227	10.5	68,300	24.3%	Link
VRE	BĐS	28.1	2.9%	1.0	2,701	18.3	1,576	17.8	31,800	32.6%	Link
KDH	BĐS	30.6	0.5%	1.7	926	1.8	2,557	12.0	38,700	38.2%	Link
NLG	BĐS	32.4	0.3%	1.7	526	3.0	14,120	2.3	42,000	44.1%	Link
DGC	Phân bón	67.7	1.7%	1.8	1,088	13.0	6,793	10.0	122,300	14.8%	Link
DPM	Dầu khí	37.0	1.2%	1.0	612	7.3	2,625	14.1	42,000	14.8%	Link
DCM	Dầu khí	28.0	1.8%	1.3	628	5.6	2,292	12.2	18,400	9.3%	Link
GAS	Dầu khí	96.5	-0.7%	0.6	7,813	2.3	1,340	72.0	31,100	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	41.5	0.6%	0.9	2,230	2.1	2,929	14.2	24,300	17.7%	Link
PVS	Dầu khí	33.8	0.0%	1.0	683	5.7	993	34.0	13,000	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	25.2	1.6%	1.2	594	4.5	7,698	3.3	85,000	22.0%	Link
POW	Tiện ích	13.2	0.0%	0.9	1,313	2.7	3,895	3.4	87,600	7.8%	Link
VNM	Bán lẻ	73.5	1.0%	0.4	6,498	13.0	2,605	28.2	96,000	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	79.5	0.4%	1.2	4,788	5.4	3,456	23.0	55,200	30.1%	Link
MWG	Bán lẻ	49.2	0.7%	1.7	3,042	10.0	7,475	6.6	95,000	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	73.8	-0.9%	0.6	1,024	2.9	2,965	24.9	77,100	48.7%	Link
VHC	Thủy sản	74.1	0.8%	1.0	575	2.3	12,800	5.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	57.1	0.7%	0.4	728	2.3	7,059	8.1	57,000	47.4%	Link
FPT	Công nghệ	75.3	0.4%	0.6	4,045	2.9	5,901	12.8	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

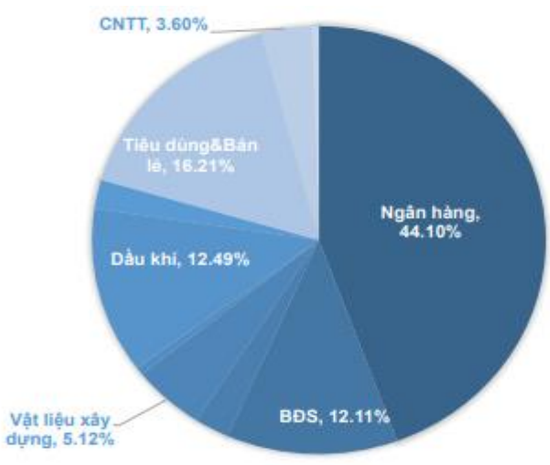

Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.0	-1.0%	1.2	6,099	8.0	3,520	8.5	1.3	27.2%	16.3%
ACB	Ngân hàng	21.8	-0.7%	1.1	3,590	4.8	3,742	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.6	-0.3%	0.8	1,974	1.1	3,149	5.9	1.2	19.7%	23.9%
LPB	Ngân hàng	15.7	-3.1%	1.4	1,148	8.9	2,732	5.7	1.1	4.1%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.1	-1.0%	1.2	2,157	4.3	3,469	5.8	1.6	20.5%	30.0%
VND	Chứng khoán	17.6	-1.7%	2.1	907	22.9	489	36.0	1.5	23.5%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.2	-0.8%	1.0	1,690	3.0	2,895	6.3	1.2	29.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	28.0	-0.4%	1.7	1,772	27.2	1,120	25.0	1.8	45.0%	7.9%
CII	Xây dựng	18.6	0.5%	1.7	224	5.4	218	85.5	6.6	8.7%	3.0%
C4G	Xây dựng	14.2	-0.7%	2.0	0	1.7	791	18.0	1.9	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	78.0	0.9%	2.1	246	2.0	184	424.0	0.7	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.9	2.6%	1.7	222	7.1	903	17.6	0.6	4.1%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.8	0.4%	2.2	111	3.9	812	17.1	1.0	3.3%	6.0%
BCM	KCN	80.7	-0.4%	0.7	3,533	1.2	1,170	68.9	4.7	2.7%	7.6%
HUT	KCN	20.0	-0.5%	1.3	295	2.6	162	123.6	1.9	1.9%	1.3%
PHR	KCN	51.1	0.6%	1.4	293	1.3	6,039	8.5	1.9	15.2%	24.4%
SZC	KCN	32.0	-0.3%	1.8	162	1.0	1,103	29.0	2.5	3.0%	9.0%
HSG	Vật liệu	17.4	0.0%	2.4	455	6.8	(1,694)		1.1	17.8%	2.3%
HT1	Vật liệu	16.8	0.0%	1.5	270	0.6	386	43.4	1.3	3.4%	3.0%
NKG	Vật liệu	18.6	-0.3%	2.5	207	7.0	(2,586)		1.0	9.8%	13.5%
PTB	Vật liệu	53.6	-1.7%	1.1	154	1.3	6,017	8.9	1.3	14.4%	15.6%
KSB	Vật liệu	31.0	0.2%	1.7	100	3.2	1,393	22.2	1.2	3.7%	6.5%
NVL	BĐS	14.6	-0.7%	1.3	1,204	13.4	362	40.3	0.7	3.6%	1.9%
DXG	BĐS	15.0	-0.3%	2.7	386	8.1	(240)		0.7	18.7%	3.4%
HDC	BĐS	29.2	1.0%	0.9	167	0.9	2,526	11.6	2.1	1.8%	20.6%
DIG	BĐS	21.0	-0.2%	2.4	543	11.4	262	80.4	1.7	5.6%	2.1%
IJC	BĐS	14.2	0.0%	2.1	152	1.4	1,662	8.6	0.9	6.2%	12.1%
BSR	Dầu khí	18.2	1.1%	1.3	0	9.5	4,750	3.8	1.1	0.4%	29.6%
PVT	Dầu khí	23.6	0.6%	0.8	323	3.9	2,740	8.6	0.9	15.5%	15.1%
PLC	Săm lốp	38.4	0.5%	1.6	131	0.5	1,355	28.3	2.5	1.3%	9.4%
DRC	Tiện ích	23.4	1.3%	1.1	118	0.8	2,246	10.4	1.5	8.9%	14.4%
REE	Tiện ích	65.0	-1.4%	0.8	1,124	2.2	6,714	9.7	1.4	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	19.3	0.8%	1.8	695	8.3	10	1932.7	0.9	10.9%	4.2%
NT2	Tiện ích	29.9	-0.8%	0.5	364	0.7	3,245	9.2	1.9	15.7%	21.4%
HDG	Tiện ích	30.6	0.8%	1.8	396	0.8	3,775	8.1	1.4	24.3%	22.8%
PC1	Tiện ích	27.0	-0.7%	1.5	309	1.8	1,257	21.5	1.3	7.2%	6.2%
GEG	Tiện ích	14.8	-0.7%	1.0	255	0.6	902	16.4	1.1	46.7%	6.2%
BCG	Dầu khí	9.7	-0.6%	2.5	220	2.7	220	44.2	0.4	1.7%	0.3%
SAB	Bán lẻ	151.0	0.7%	0.1	4,096	0.6	7,649	19.7	3.9	62.4%	21.8%
QNS	Bán lẻ	51.3	2.0%	0.4	0	4.0	4,226	12.1	2.5	17.6%	19.5%
FRT	Bán lẻ	76.0	-1.0%	1.5	438	3.1	1,620	46.9	5.5	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	49.0	1.2%	2.2	346	5.9	3,397	14.4	3.8	23.5%	24.7%
DBC	Bán lẻ	25.4	-1.2%	2.1	260	5.1	(1,339)		1.4	6.9%	3.2%
PET	Bán lẻ	29.6	-1.5%	2.5	124	1.0	1,026	28.8	1.5	1.5%	6.3%
BAF	Bán lẻ	24.9	-1.2%	1.1	151	3.6	1,409	17.7	2.1	0.2%	12.1%
ANV	Thủy sản	37.4	-0.3%	2.0	211	2.3	4,368	8.6	1.9	4.4%	20.8%
VSC	Logistics	37.0	-3.3%	0.2	190	2.5	2,087	17.7	1.5	3.1%	10.7%
HAH	Logistics	47.8	-0.8%	1.3	142	2.8	9,072	5.3	1.1	5.2%	35.9%
CTR	Công nghệ	74.7	-0.1%	1.5	361	1.0	4,040	18.5	5.0	10.7%	29.4%
TNG	Dệt may	18.6	-0.5%	1.7	90	1.3	2,665	7.4	1.4	18.8%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639